

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chất và ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐST - HNGĐ ngày 02/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST - HNGĐ ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương H, sinh năm 2001; ĐKHK: Xóm E, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện trú tại: Đường B, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1999; ĐKHK và trú tại: Xóm E, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Phương H trình bày:

Chị và anh Đinh Văn T đăng ký kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống được nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên từ tháng 10/2023 đến nay chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng anh T được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Đình Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021. Hiện con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Tài sản riêng của ai người đó tự quản lý sử dụng. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh **Đình Văn T trong bản tự khai ngày 31/5/2024 trình bày:**

Anh và chị **H** có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2020 tại **UBND xã L** là quê của anh. Sau khi kết hôn anh và chị **H** về chung sống cùng gia đình anh tại **xóm E, xã L**. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà càng nặng nề hơn. Từ cuối năm 2023 tới nay anh và chị **H** sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị **H** không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là **Đình Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị **H** đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh và chị **H** không có. Vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh **Đình Văn T** nhưng anh **T** vắng mặt không tham gia. Do đó, Tòa án phải tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa về tố tụng:

- Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa về nội dung:

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ly hôn giữa chị **Đình Thị Phương H** và anh **Đình Văn T**.
 - Giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Đinh Thị Phương H** khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh **Đinh Văn T**, có địa chỉ cư trú tại **xóm E, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **H** và anh **T** đăng ký kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện tại **UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh **T** địa chỉ tại **xóm E, xã L**. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ cuối năm 2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo chị **H** nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh **T** mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Về phía anh **T** cũng xác định nguyên nhân là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ cuối năm 2023 tới nay anh và chị **H** sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị **H** không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh **T** cư trú: Đại diện **UBND xã L** cho biết từ khoảng cuối năm 2023 đến nay vợ chồng chị **H**, anh **T** không còn chung sống với nhau nữa, hiện chỉ có một mình anh **T** sinh sống ở địa phương; về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị **H** làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **T** thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày không giống nhau, nhưng cả chị **H** và anh **T** đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, do mâu thuẫn không giải quyết được nên đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Hai bên không còn tình cảm với nhau nữa đều đồng thuận ly hôn.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** có mâu thuẫn; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả; đã có thời gian ly thân, không còn quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị **H** đối với anh **T** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

[4] Về con chung:

Chị **H** và anh **T** xác định vợ chồng chỉ có 01 con chung là **Đinh Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021, hiện nay do chị **H** đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị **H** xin được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh **T** phải đóng góp tiền nuôi con cho chị; Khi ly hôn, anh **T** cũng mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu chị **H** phải đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Xét thấy, cháu **Đinh Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021 hiện đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, còn nhỏ và là con gái, đang ổn định chỗ ở, sinh hoạt. **Do đó**, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị **H** trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Phía chị **H** không yêu cầu anh **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị **H** không yêu cầu anh **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cũng như kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[5] Về tài sản: Chị **H** và anh **T** không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị **H** phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị **Đinh Thị Phương H** và anh **Đinh Văn T**.

2. Giao chị **Đinh Thị Phương H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là **Đinh Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021 đến khi thành niên. Anh **Đinh Văn T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị **Đinh Thị Phương H** phải nộp 300.000^d nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002201 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chi **H** và anh **T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – Ninh Bình

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thế A**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn C** và ông **Trần Văn N1**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 94/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Phương H**, sinh năm 2001; ĐKHK: **Xóm E, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Hiện trú tại: **Đường B, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1999; ĐKHK và trú tại: **Xóm E, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. **Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do**).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2/ Về đường lối giải quyết:

- Xử lý hôn giữa chị **Đinh Thị Phương H** và anh **Đinh Văn T**.
- Giao chị **Đinh Thị Phương H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là **Đinh Diệu N**, sinh ngày 24/8/2021 đến khi thành niên. Anh **Đinh Văn T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Đinh Thị Phương H** phải nộp 300.000^d nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002201 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3/ Các vấn đề khác:

- Tuyên quyền kháng cáo cho cáo đương sự.
 - Giải thích quyền nghĩa vụ thi hành án theo luật thi hành án dân sự
- Biểu quyết 3/3 nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 05/9/2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế A